3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Hoàng Thanh Tùng

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
KIEN
HA TRUNG KIEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P
Mã số / *Code*: VNM
Số hộ chiếu / *Passport N°*: C7262837

Họ và tên / *Full name*
HÀ TRUNG KIÊN

Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth*: **07 / 09 / 1994**

Nơi sinh / *Place of birth*: **THÁI BÌNH**

Giới tính / *Sex*: **NAM / M**

Số GCMND / *ID card N°*: **034094003132**

Ngày cấp / *Date of issue*: **08 / 05 / 2019**

Có giá trị đến / *Date of expiry*: **08 / 05 / 2029**

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMHA<<TRUNG<KIEN<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C7262837<5VNM9409075M2905084034094003132<<50

VISAS

VIET NAM - HANOI
31 OCT 2019
NOI BAI

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
Date of permit 1 NOV 2019
上陸期限 1 NOV 2020
在留資格 Status of Residence Training (I) (b)
上陸期間 Duration One Year
NARITA

18275935588
KYHL6539190
HE5430550 3FA

JAPAN VISA
日本国査証

EC6041394

Place of Issue: HANOI
Date of Issue: 21 OCT 19
Date of expiry: 21 JAN 20
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 19A84188
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: HA TRUNG KIEN
Passport No.: C7262837
Sex: M
Date of birth: 07 SEP 94
Nationality: VNM
No.of applicants:
Remarks

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS JAPAN

BCY19-118604

V<JPNHA<<TRUNG<KIEN<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C7262837<5VNM9409075M2001218 19A84188620A<E17